

NHÀN

(1 tiết)

NGUYỄN BÌNH KHIÊM

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu được cái thú và ý nghĩa triết lí trong lối sống nhàn dật mà tác giả đã lựa chọn.

– Cảm nhận được nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ : lời tự nhiên, giản dị mà có ý vị, một bằng chứng về sự trưởng thành của ngôn ngữ thơ Nôm.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Thơ Nguyễn Bình Khiêm sáng tác từ khi xin nghỉ về sống ở quê nhà, có nhiều bài nói về "lối sống nhàn". Suốt bốn mươi hai năm sống ẩn dật, ông luôn tỏ ý tự hào về sự lựa chọn của mình :

– *Cao khiết thuỳ vi thiên hạ sĩ ?
An nhàn ngã thị địa trung tiên !*
(Ngự hứng)⁽¹⁾

(Cao khiết ai là kẻ sĩ trong thiên hạ ?
An nhàn ta là tiên trong đời !)

– *Thanh nhàn ấy ta là tiên khách,
Được thú ta đà có thú ta.*
(Thơ Nôm – bài 31)

Trước hết là cái thú được thoải mái về tinh thần cũng như về thân xác :

*Nội đắc tâm thân lạc,
Ngoại vô hình dịch lụy.*
(Cảm hứng)

(Bên trong được thú vui của tâm, của thân,
Bên ngoài khỏi phải chạy vạy để phục dịch cho hình xác)

(1) Các câu thơ ở đây đều trích từ *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, NXB Văn học, H., 1983.

Thú vui của tâm, thân có thể tìm thấy trong cảnh trí thiên nhiên, kho trời chung, lấy không ai cấm, dùng không bao giờ hết.

Lối sống nhàn còn đem lại cái thú là làm chủ được bản thân, tự mình yên với mình (*tự tại*), không bị những ham muốn vật chất (*vật dục*) ràng buộc, lôi cuốn. Do đó, "duỡng được tính tự nhiên" (*Thơ Nôm* – bài 118), tức là tính ưa làm điều thiện.

Kiên trì lối sống nhàn, Nguyễn Bình Khiêm còn đem lối sống ấy đối lập với việc bon chen giành giật để mưu danh lợi, phú quý ở thành thị :

– *Thành thị vốn đua tranh giành giật.*

(Thơ Nôm – bài 19)

– *Ở triều đình thì tranh nhau cái danh, ở chợ búa
thì giành nhau cái lợi.*

(Bi kí quán Trung Tân)

Chạy theo thói đua tranh giành giật, chẳng những phải "nhọc hơi" vì những thứ nay được mai mất, mà con người cũng trở thành xấu xa, bạc ác.

2. Về hình thức nghệ thuật, bài thơ có nhiều đặc sắc :

– Ngôn từ giản dị, tự nhiên, gần như lời nói thông thường mà vẫn cô đọng.

– Trong khuôn khổ của thể thơ Đường luật, bài thơ trước sau đều khẳng định lối sống mà tác giả lựa chọn, nhưng kết cấu và nhịp điệu các câu thơ luôn luôn chuyển đổi theo yêu cầu và mục đích của việc diễn tả.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– Giới thiệu quan niệm của Nguyễn Bình Khiêm về lối sống nhàn.

– Giới thiệu chủ đề bài thơ : Tác giả tự khẳng định lối sống của mình.

2. Phần tổ chức dạy học

a) Đọc bài thơ

– Gọi HS đọc bài thơ, yêu cầu ngắt nhịp đúng.

– Nêu câu hỏi kiểm tra HS đã hiểu các chú thích trong SGK chưa.

b) Hướng dẫn HS phân tích bài thơ, kết hợp việc thực hiện các câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*.

Câu hỏi 1

Giúp HS bao quát hình tượng trong toàn bài. Lối sống nhàn dật trong bài thể hiện qua các chi tiết : ung dung, thư thái trong việc làm cũng như vui chơi ; chọn nơi vắng vẻ, không thích chốn lao xao ; sinh hoạt hằng ngày giản dị, mùa nào thức ấy ; coi phú quý như chiêm bao.

- Hai chữ *thơ thần* nói trạng thái thành thoi của con người "vô sự", trong lòng không bận chút cơ mưu, tư dục. Cụm từ "đâu ai vui thú nào" nói lên ý thức kiên định lối sống đã lựa chọn.

Câu hỏi 2

Biểu tượng "nơi vắng vẻ" đối lập với "chốn lao xao" trong bài :

- *Tìm nơi vắng vẻ* không phải là lánh đời mà là tìm nơi mình thích thú, được sống thoải mái, an toàn, nơi không phải chốn quan trường, chợ búa, "giành giạt tư lợi".

- *Đến chốn lao xao* là đến chốn "chợ lợi đường danh" huyên náo, nơi con người chen chúc xô đẩy, giành giạt, hãm hại lẫn nhau. Đây là nơi có nhiều nguy hiểm khôn lường.

Quan niệm "khôn" và "dại" của tác giả khác đời vì đây là cách nói ngược với giọng mỉa mai. "Dại" ở đây chính là *khôn*, "khôn" lại chính là *dại*.

Câu hỏi 3

Hai câu thơ 5 - 6 : nói về chuyện sinh hoạt hằng ngày như chuyện ăn, chuyện tắm,... tuy đơn sơ, đạm bạc, nhưng thích thú ở chỗ mùa nào cũng sẵn, chẳng phải nhọc công tìm kiếm. Về mặt tinh thần, cuộc sống như thế cho phép con người được tự do, tự tại, không cần phải luôn cúi, cầu cạnh kẻ khác, không theo đuổi công danh, phú quý, không bị gò bó, ràng buộc vào bất cứ khuôn phép nào.

Câu hỏi 4

Hai câu thơ 7 - 8 : Tính chất bi quan của điển cố mờ đi, nổi lên ý nghĩa coi thường phú quý, khẳng định một lần nữa sự lựa chọn lối sống của riêng mình.

Câu hỏi 5

Nhận xét của Phan Huy Chú khẳng định tính chất giản dị, tự nhiên, linh hoạt trong lời thơ của Nguyễn Bình Khiêm. Trong bài này có nhiều câu thơ như câu nói tự nhiên (các câu 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8). Nhiều từ trùng điệp như lời nói : *ta, người*.

Điển cố dùng rất kín, gần như không cảm thấy tí vết của việc dùng điển cố. Hình thức ấy phù hợp với khuynh hướng tư tưởng nhân dật của bài thơ.

3. Phân củng cố

– Khác với Nguyễn Trãi chú trọng nghĩa vua tôi, Nguyễn Bình Khiêm chọn lối sống "nhàn". Đối với ông, "nhàn" là một triết lí sống tìm yên vui, lạc thú cho bản thân, một thứ lạc thú cá nhân trong sạch.

– Cách nói tự nhiên, linh hoạt biểu hiện được niềm tin về lối sống mà tác giả tự lựa chọn.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

"Nhàn" là một chủ đề rất phổ biến trong thơ văn thời trung đại. HS có thể sưu tầm các bài thơ khác nói về thú "nhàn". "Nhàn" là một nét tư tưởng và văn hoá rất sâu sắc của người xưa, đặc biệt là của tầng lớp trí thức. Sống nhàn hợp với tự nhiên, hợp với tu dưỡng nhân cách, có điều kiện sáng tác văn thơ, có điều kiện dưỡng sinh, kéo dài tuổi thọ. Sống nhàn đem lại niềm vui thanh cao, lành mạnh cho con người. Biết sống nhàn, biết tìm thú "nhàn" là cả một học thuyết, một triết học lớn của người xưa.

Vẻ đẹp của thú "nhàn" trong bài thơ của Nguyễn Bình Khiêm thể hiện ở tinh thần tự do lựa chọn cách sống cho mình, tự khẳng định mình, tính độc lập tự chủ ấy làm cho người ta nể trọng.

Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở nhịp sống của con người hài hoà với nhịp điệu của thiên nhiên, bốn mùa.

Vẻ đẹp thanh cao của bài thơ thể hiện ở thái độ coi thường phú quý, đứng cao hơn phú quý, không làm nô lệ cho phú quý.

Bài *Nhàn* này chỉ mới nói cái nhàn trong lối sống : làm việc, chọn nơi ở, ăn, tắm, uống rượu. Theo quan niệm của các nhà nho, thú "nhàn" còn thể hiện ở ngắm trăng, xem hoa, chơi đàn, thư pháp, đánh cờ, uống trà, đi bộ.

Sống nhàn là lối sống đẹp, không phải là thoát li thực tế đời sống. Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Công Trứ,... ai cũng thích nhàn, nhưng không ai thoát li đời sống cả.

Tham khảo đoạn văn dưới đây của Trần Đình Hượu để hiểu thêm vấn đề.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Triết lí nhân dật và tự tại của Nguyễn Bình Khiêm :

"Ông nhân là người sống với tư cách là một cá nhân, chứ không phải với tư cách thành viên của một cộng đồng nào đó, là một con người có lạc thú, chứ không phải chỉ có chức năng, nghĩa vụ. Sống dưới chế độ chuyên chế theo Nho giáo, con người bị trói buộc bởi hai sợi dây : nghĩa và phạt. *Phạt* vạch ranh giới cho từng người, quy định mức cho mỗi người được ngồi, đứng, nói năng, xưng hô, ăn, ở. *Nghĩa* nhắc nhở mọi người trách nhiệm đối với người trên kẻ dưới,... Trong xã hội tổ chức như vậy, con người không được coi mình là cá nhân – độc lập, có cái riêng của mình, không được nghĩ đến lạc thú. Do đó tìm nhân dật là tìm cái vui cho thân tâm, tránh cái luy hình dịch, là tìm thoát khỏi sự ràng buộc chặt chẽ mà vô hình của thể chế chuyên chế theo Nho giáo,... Ông nhân tự coi mình là cá nhân không bị ràng buộc. Nhưng một mặt không thể coi cá nhân là cô độc, coi cái "tôi" là trung tâm. Cho nên cố tránh ràng buộc bằng cách từ bỏ danh lợi, không đi con đường công danh, giành phạt vị, coi thường giàu nghèo, sang hèn, đứng ngoài sự ràng buộc của phạt. Để có chút thoải mái đó, ông nhân phải chủ động tự hạn chế : không cậy tài, yên phạt, không tranh giành và không động lòng về lời khen, tiếng chê".

(Trần Đình Hượu, trích từ sách *Nguyễn Bình Khiêm – danh nhân văn hoá*,
Bộ Văn hoá – Thông tin và Thể thao xuất bản, H., 1991, tr. 136 - 137)

– Trần Đình Sử, bài *Khôn đại* (Nguyễn Bình Khiêm), trong sách *Độc văn, học văn*, Sdd.